

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BỔ NGỮ CHỈ HOÀN THÀNH KẾT THÚC TIẾNG HÁN CỦA HỌC SINH VIỆT NAM

TS. Vũ Thị Hà

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Long

Tóm tắt. Bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc là thành phần câu có tần suất sử dụng rất cao trong tiếng Hán hiện đại. Nghiên cứu khảo sát về tình hình nắm bắt và vận dụng loại bổ ngữ này cho thấy học sinh Việt Nam nắm bắt, vận dụng tương đối tốt một số bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc thường dùng, song còn mắc nhiều lỗi sai khi vận dụng loại bổ ngữ này và không có tiến bộ rõ rệt trong việc nắm bắt những kiến thức khó. Dựa trên kết quả khảo sát, đồng thời kết hợp với những kết quả nghiên cứu đã có về đặc điểm của loại bổ ngữ này, chúng tôi đưa ra một số đề xuất về việc giảng dạy loại bổ ngữ này, chủ yếu đề cập đến hai phương diện là nội dung giảng dạy và hệ thống bài luyện tập liên quan.

Từ khóa. Bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc, tiếng Hán hiện đại, khảo sát, lỗi sai, giảng dạy.

1. Đặt vấn đề

Bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc là thành phần câu có tần suất sử dụng rất cao trong tiếng Hán hiện đại. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Trung Quốc, chúng tôi phát hiện thấy mặc dù đã được học toàn bộ kiến thức cơ bản, bao gồm kiến thức về bổ ngữ ở năm thứ nhất, đồng thời đã có một thời gian luyện tập, thực hành, song nhiều sinh viên còn mắc lỗi khi sử dụng bổ ngữ chỉ hoàn thành trong tiếng Hán. Vì vậy chúng tôi tiến hành khảo sát tìm hiểu về tình hình nắm bắt và vận dụng loại bổ ngữ này ở sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai, đồng thời dựa trên những kết quả nghiên cứu về loại bổ ngữ này, đưa ra một số đề xuất về phương pháp giảng dạy, nhằm mục đích góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Hán cho học sinh Việt Nam.

2. Khảo sát tình hình sử dụng bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trong tiếng Hán

2.1 Phương pháp khảo sát

1) Mục đích và đối tượng khảo sát

Chúng tôi tiến hành khảo sát với mục đích tìm hiểu tình hình vận dụng sử dụng bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trong tiếng Hán của người học sau khi được học những kiến thức ngữ pháp tiếng Hán cơ bản, phát hiện những lỗi sai thường gặp.

Đối tượng khảo sát cụ thể bao gồm sinh viên năm thứ nhất (đã học hai học kì) và sinh viên năm thứ hai (đã học bốn học kì) của khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Tổng số sinh viên tham gia khảo sát ở năm thứ nhất là 95 sinh viên; tổng số sinh viên tham gia khảo sát ở năm thứ hai là 54 sinh viên.

Sau hai học kì ở năm thứ nhất, sinh viên đã được học toàn bộ hệ thống kiến thức ngữ pháp cơ bản trong tiếng Hán hiện đại, bao gồm kiến thức về bổ ngữ, đã được học cách sử dụng của

những bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc điển hình như “好”, “完”, “成”, “着”, “到”, “掉”... Trên cơ sở đó, sang năm thứ hai, sinh viên được biết thêm và luyện tập, thực hành vận dụng nhiều bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc thường dùng khác như, “尽”, “完毕”... Như vậy lựa chọn khảo sát ở hai thời điểm này, có thể hiểu được tình hình nắm bắt loại bổ ngữ này của sinh viên khi vừa được học và sau khi có một thời gian luyện tập, vận dụng, hình thành ngữ cảm ở một mức độ nhất định.

2) Nội dung khảo sát

Các bổ ngữ được đưa vào nội dung phiếu khảo sát gồm “好”, “完”, “成”, “到”, “着”, “掉”, “光”, “尽”, “完毕”... đều là những bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc điển hình, có tần sử dụng cao trong tiếng Hán hiện đại. Nội dung phiếu khảo sát được chia thành hai phần chính.

Phần 1 gồm 22 câu hỏi trắc nghiệm dạng bốn lựa chọn A B C D, yêu cầu chọn một bổ ngữ thích hợp duy nhất trong bốn đáp án cho sẵn để điền vào chỗ trống, nhằm kiểm tra tình hình sinh viên nắm bắt đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ dụng của các bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trong tiếng Hán hiện đại và kiểm tra khả năng phân biệt các bổ ngữ có sự giao thoa trong thực tế sử dụng như “好”, “完” và “成”, “完” và “完毕”.

Phần 2 yêu cầu dịch 15 câu hoàn chỉnh từ tiếng Việt sang tiếng Hán, nhằm tìm hiểu xu hướng lựa chọn bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc, khả năng phán đoán các hình thức biểu đạt tương đương về ngữ nghĩa, ngữ dụng giữa tiếng Việt và tiếng Hán khi sử dụng bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc.

3) Quá trình khảo sát

Cuối học kì II năm học 2013-2014, chúng tôi tiến hành khảo sát sinh viên năm thứ nhất và sinh viên năm thứ hai của khoa Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Phương thức khảo sát là phát phiếu khảo sát tại lớp học, yêu cầu sinh viên hoàn thành ngay trên lớp và thu lại phiếu ngay sau khi sinh viên hoàn thành, không có yêu cầu chính xác về tốc độ hoàn thành.

Trong thời gian khảo sát, các lớp học đều có giáo viên giám sát, tránh việc sinh viên trao đổi và chép bài của nhau, nhằm đảm bảo tính khách quan của kết quả khảo sát.

2.2. Phân tích kết quả khảo sát

Dựa trên cơ sở kết quả khảo sát, chúng tôi đưa ra những phân tích đánh giá như sau về tình hình nắm bắt và vận dụng bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc của sinh viên:

1) So sánh kết quả khảo sát ở sinh viên năm thứ nhất và kết quả khảo sát ở sinh viên năm cho thấy có sự tương đồng về mức độ hoàn thành các câu hỏi. Các câu hỏi có tỉ lệ trả lời đúng ở mức trung bình hoặc tương đối cao ở sinh viên năm thứ nhất gồm câu 2 (68.4%), câu 5 (65.3%), câu 6 (73.7%), câu 9 (81.1%), câu 10 (66.3%), câu 13 (82.1%), câu 22 (61.1%) trong phần 1 và các câu 1 (70.5%), câu 3 (84.2%), câu 8 (68.4%), câu 11 (62.1%), câu 14 (62.1%) trong phần 2. Trong kết quả khảo sát đối với sinh viên năm thứ 2, đây cũng là những câu có tỉ lệ trả lời đúng ở mức trung bình hoặc tương đối cao: câu 2 (79.6%), câu 5 (100%), câu 6 (81.5%), câu 9 (85.2%), câu 10 (72.2%), câu 13 (94.4%), câu 22 (81.5%) trong phần 1 và các câu 1 (74.1%), câu 3 (85.2%), câu 8 (90.7%), câu 11 (87%), câu 14 (74.1%) trong phần 2. Mặt khác, những câu hỏi có tỉ lệ trả lời đúng thấp ở sinh

viên năm thứ 2, cũng có tỉ lệ trả lời đúng thấp ở năm thứ nhất: câu 1(25.3%, 25.9%)¹, câu 7 (12.6%, 11.1%), câu 11 (16.8%, 22.2%), câu 14 (16.8%, 24.1%), câu 15 (3.2%, 1.9%), câu 19 (22.1%, 25.9%), câu 20 (37.9%, 42.6%), câu 21 (23.2%, 25.9%) trong phần 1 và câu 2 (8.4%, 5.6%), câu 4 (11.6%, 20.4%), câu 13 (1.1%, 11.1%), câu 15 (27.4%, 38.9%) ở phần 2.

Đồng thời, quan sát kết quả khảo sát của sinh viên hai khối cho thấy tỉ lệ trả lời đúng ở năm thứ hai tăng lên tương đối rõ rệt ở những câu hỏi có tỉ lệ trả lời đúng đạt trên 40% ở năm thứ nhất, song hầu như không có sự thay đổi tích cực ở kết quả khảo sát ở những câu hỏi có tỉ lệ trả lời đúng thấp. Những câu hỏi có tỉ lệ trả lời đúng tăng vượt bậc chủ yếu là những câu hỏi sử dụng bổ ngữ và động từ có độ khó nhất định đối với sinh viên năm thứ nhất, ví dụ như “đàm phán hợp đồng” trong câu dịch số 6 (42.1%, 77.8%)², “rót nước” trong câu dịch số 9 (15.8%, 59.3%), và các câu trắc nghiệm số 8 (31.6%, 72.2%), câu trắc nghiệm số 12 (49.5%, 83.2%).

Như vậy có thể nhận thấy, cùng với sự tăng lên về lượng từ vựng và kiến thức ngữ pháp, nhìn chung sinh viên có những tiến bộ khả quan trong nắm bắt và vận dụng bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc sau khi được thực hành và luyện tập nhiều hơn. Song những kiến thức là điểm khó trong sử dụng bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc đối với sinh viên năm thứ nhất, vẫn là điểm khó đối với sinh viên năm thứ hai, tình hình nắm bắt những nội dung kiến thức này không có tiến bộ rõ rệt.

2) Sinh viên nắm bắt, vận dụng tương đối tốt các bổ ngữ “完”, “好”, “光”, “到”, khi động từ kết hợp với những bổ ngữ này là động từ được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp hàng ngày như “卖”, “花(钱)”, “吃”, “买”, “想”, “决定”. Tỉ lệ phán đoán đúng câu hỏi trắc nghiệm liên quan và dịch đúng các câu yêu cầu sử dụng các bổ ngữ trên kết hợp với các động từ này đều tương đối cao: tỉ lệ trả lời đúng ở câu trắc nghiệm số 5 là 72.5%³ (存款全花……了。), trong đó 100% sinh viên năm thứ hai phán đoán đúng câu hỏi này, câu trắc nghiệm số 6 là 77.9% (排了好长的队, 终于买……了首映礼的票……), câu trắc nghiệm số 9 là 82.6% (这种词典早就卖……了。), câu trắc nghiệm số 13 là 86.6% (去还是不去, 你想……了就告诉我。); tỉ lệ dịch đúng câu số 3 là 84.6% (Tôi tìm rất nhiều nơi, mới mua được đúng màu này đây.), câu số 8 là 76.5% (Sang ngày thứ hai chúng tôi đã tiêu hết sạch tiền.), câu số 11 là 71.1% (Bạn quyết định xong chưa?).

Có một điểm đáng chú ý là khá nhiều sinh viên chưa nắm được vị trí của bổ ngữ chỉ kết quả bổ nghĩa cho động từ li hợp, theo kết quả thống kê có 28.8% sinh viên dịch “cãi nhau xong” thành “吵架完”. Ngoài ra, nhiều sinh viên chưa nắm được đặc điểm ngữ pháp của “完” là có thể kết hợp với các động từ mang tính phi tự chủ như “刮(风)”, “下(雨)”... Tỉ lệ trả lời đúng câu hỏi trắc nghiệm số 19 (风刮……了。) chỉ đạt 22.1% ở sinh viên năm thứ nhất và 25.9% ở sinh viên năm thứ 2.

3) Nhiều sinh viên ở cả năm thứ nhất và năm thứ hai chưa nắm vững và sử dụng được các bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc có tần suất sử dụng rất cao trong tiếng Hán là “成”, “着”, “掉”, “尽”, mặc dù các câu hỏi khảo sát liên quan đều tương đối đơn giản, hoặc sử dụng cách diễn đạt

¹ Tỉ lệ trả lời đúng ở sinh viên năm thứ nhất là 25.3%, ở sinh viên năm thứ hai là 25.9%.

² Tỉ lệ trả lời đúng ở sinh viên năm thứ nhất là 42.1%, ở sinh viên năm thứ hai là 77.8%.

³ Tỉ lệ trung bình của cả hai khối năm thứ nhất và năm thứ hai.

cố định thường gặp.

Trong những bốn từ làm bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc này, tỉ lệ trả lời đúng thấp nhất là các câu hỏi khảo sát về “成”, gồm câu trắc nghiệm số 1 (我跑了两趟才看……那部电影, 真不容易!), câu dịch số 4 (Vừa đến nơi thì mất điện, thế là không xem được phim.) và câu dịch số 13 (Tôi mặc cả thử, không ngờ lại mua được.). Tỉ lệ trả lời đúng ở ba câu hỏi này lần lượt là 25.5%, 14.8% và 4.7%.

Các câu hỏi khảo sát về “着” gồm câu trắc nghiệm số 3 (看完这些书能找……工作吗?) và câu trắc nghiệm số 21 (机票没买……, 650元机票钱却不翼而飞了.), có tỉ lệ trả lời đúng là 38.3% và 24.2%.

Câu hỏi khảo sát về “掉” gồm câu trắc nghiệm số 8 (工作辞……了, 可以再找……), câu trắc nghiệm số 11 (他当……了大衣, 卖……了手表.), câu trắc nghiệm số 12 (你是用了什么办法使他戒……香烟的?) và câu trắc nghiệm số 15 (花了一天的时间, 终于把这些英文材料都翻译……了.). Tỉ lệ trả lời đúng ở sinh viên năm thứ nhất là 31.6%, 16.8%, 49.5% và 3.2%. Đối với sinh viên năm thứ nhất, ba câu hỏi này tương đối khó do bổ ngữ “掉” và các động từ trong câu này đều rất ít xuất hiện trong tài liệu học ở giai đoạn này, vì vậy tỉ lệ trả lời đúng thấp là có thể hiểu được. Tỉ lệ trả lời đúng câu trắc nghiệm số 8 của sinh viên năm thứ hai đạt 83.3%, là tương đối tốt, tuy nhiên tỉ lệ trả lời đúng ở câu 12 đạt 72.2% là chưa khả quan, tỉ lệ trả lời đúng câu trắc nghiệm số 11 và 15 chỉ đạt 22.2% và 1.9%.

4) Trong việc phân biệt giữa hai bổ ngữ có đặc điểm ngữ nghĩa tương đối giống nhau là “好” và “完”, hầu hết sinh viên đã nắm được là những động từ chỉ hoạt động tâm lí như “想”, “决定”... không kết hợp được với “完”, chỉ kết hợp được với “好”. Tỉ lệ trả lời đúng ở câu hỏi trắc nghiệm số 13 sử dụng động từ “想”, và câu dịch số 11 yêu cầu sử dụng động từ “决定” đạt 86.6% và 71.1%, là khả quan.

Khá nhiều sinh viên chưa nắm được sự khác biệt về đặc điểm ngữ nghĩa của “好” và “完”. Ví dụ như trong trường hợp tân ngữ của động từ có số lượng là 1 và lượng hành động không xác định được, chỉ có thể sử dụng “好”, không sử dụng được “完”, như ở câu dịch số 5 (Em giặt xong cái áo màu trắng chưa?). Tỉ lệ sinh viên năm thứ nhất chọn sử dụng “完” ở câu này là 53.8%, năm thứ hai là 37.7%. Trường hợp muốn nhấn mạnh hành động sự việc kết thúc và đạt hiệu quả tốt, cũng sử dụng “好”, như trong câu trắc nghiệm số 10 (饿了几天了, 赶快去吃饭, 吃……了才有力气想办法.). Tỉ lệ chọn điền “完” ở câu này của sinh viên năm thứ nhất và sinh viên năm thứ hai lần là 26.9% và 24.5%.

5) Sinh viên chưa chú ý đến đặc điểm ngữ dụng khi sử dụng tiếng Hán. Câu hỏi trắc nghiệm số 7 (对已提出的问题, 张老师已陈述……, 请大家自行抉择.) và số 14 (您刚才提出我的问题, 我已简短地回答…….) đều sử dụng những từ ngữ thuộc phong cách văn bản viết, bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc thích hợp là “完毕”, song đa số sinh viên chọn điền “完了” hoặc “好了”, tỉ lệ trả lời đúng ở hai câu này chỉ đạt 12.1% và 19.5%.

6) Trong quá trình chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán, nhiều sinh viên quá lệ thuộc vào lớp vỏ ngôn ngữ, nên khi từ ngữ biểu đạt trong tiếng Việt và tiếng Hán không tương đương,

sinh viên thường dịch sai hoặc sử dụng cách biểu đạt không tự nhiên.

Câu dịch số 2 là một câu nói đơn giản thường sử dụng trong giao tiếp khẩu ngữ (Cháu ăn thêm chút nữa nhé. – Dạ, cảm ơn bác, cháu đủ rồi.), trong trường hợp này, người Trung Quốc dùng “我吃好了”, “我吃完了” và “我吃够了” đều không phù hợp vì hai cách nói này không mang tính trang trọng, khách khí. Tỷ lệ dịch đúng câu này là 7.4%, đa số sinh viên chọn sử dụng “我吃完了” hoặc “我吃够了”.

Câu dịch số 15 “Cô ấy kể một mạch đến hết.” cũng là một câu đơn giản. Nhưng rất nhiều sinh viên bám theo đúng từng chữ ở câu tiếng Việt, dịch thành “一直讲到结束”, “讲到结尾”, “讲到完”, “讲到末”... Tỷ lệ dịch đúng câu này ở sinh viên năm thứ nhất là 27.4%, ở sinh viên năm thứ hai là 38.9% (tính cả những câu dịch chưa chuẩn xác nhưng sử dụng “V+完” như “一直讲完”).

Ngoài ra những điểm nêu trên, còn một điểm đáng chú ý là, khi gặp nhau, nếu quan hệ gần gũi, thân thiết, người Trung Quốc thường hỏi “吃过饭了吗/没有?” thay cho câu chào, nhưng nhiều sinh viên không nắm được điều này. Ở câu hỏi trắc nghiệm số 20 (在日常生活中, 人们见面打招呼时总是说“吃……饭没有”), tỷ lệ trả lời đúng bình quân cả hai khối là 39.6%, đa số sinh viên chọn điền “好” hoặc “完”.

3. Đề xuất đối với việc giảng dạy bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trong tiếng Hán hiện đại cho học sinh Việt Nam

Toàn bộ kiến thức ngữ pháp cơ bản về các loại bổ ngữ trong tiếng Hán đều được giảng dạy ở giai đoạn năm thứ nhất. Do tính phong phú về mặt loại hình, cấu trúc ngữ pháp và tính đa dạng về ngữ nghĩa, cùng sự phân công không rõ rệt về ngữ dụng, có thể nói hệ thống bổ ngữ nói chung và bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trong tiếng Hán là một điểm khó đối với học sinh Việt Nam.

Dựa trên kết quả khảo sát tình hình nắm bắt và vận dụng của sinh viên ở trên, đồng thời kết hợp với những kết quả nghiên cứu về đặc điểm của hệ thống bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trong tiếng Hán hiện đại, chúng tôi đưa ra một số đề xuất dưới đây đối với việc giảng dạy bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc cho học sinh Việt Nam.

3.1. Về nội dung giảng dạy

1) Khi giảng giải cách sử dụng của các bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc, cần giới thiệu cho học sinh đầy đủ đặc điểm trên cả ba phương diện: ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng. Để nội dung giảng giải cần đảm bảo vừa chi tiết tỉ mỉ, đồng thời lại đơn giản dễ hiểu, nên kết hợp sử dụng những câu ví dụ đơn giản, dễ hiểu, thường xuất hiện trong cuộc sống hàng ngày trong quá trình phân tích giảng giải. Về mặt ngữ nghĩa, ngoài đặc điểm biểu thị sự hoàn thành kết thúc của động tác, hành động, cần giảng cho học sinh về đặc điểm ngữ nghĩa riêng của bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc được học. Về mặt ngữ pháp, cần giới thiệu cho học sinh những động từ thường dùng có thể kết hợp được và một số không kết hợp được với từ làm bổ ngữ được học; giảng giải tỉ mỉ về vị trí của từ làm bổ ngữ: khi động từ không mang tân ngữ, khi động từ mang tân ngữ, khi kết hợp với động từ li hợp; trong khẩu ngữ, bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc thường kết hợp sử dụng

với trợ từ ngữ khí “了”. Về mặt ngữ dụng, ngoài những đặc điểm ngữ dụng cơ bản, cần giới thiệu những quy tắc phân công khác biệt nếu có, ví dụ như “完” có thể sử dụng được cả trong văn nói và văn viết, nhưng với động từ “陈述”, trong ngữ cảnh trang trọng như khi phát biểu trong các sự kiện, khi trình bày khóa luận tốt nghiệp..., không sử dụng “完” mà sử dụng “完毕”.

2) Ngoài những bổ ngữ xuất hiện trong nội dung các điểm ngữ pháp của các bài học trong giáo trình, có thể mở rộng giới thiệu cho học sinh một số bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc thường dùng khác trong tiếng Hán như “成”, “掉”, “尽”...

3) Chọn những thời điểm thích hợp, ví dụ như vào các bài ôn tập, tiến hành phân tích so sánh và giảng giải cho học sinh về những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa một số bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc có sự giao thoa trong cách sử dụng, như giữa “完”, “好” và “成”, “尽” và “光”... Nên chỉ ra những quy tắc đơn giản áp dụng cho các động từ thường dùng, kết hợp phân tích qua những câu ví dụ điển hình, có thể áp dụng trong cuộc sống hàng ngày để học sinh dễ nắm bắt.

Ví dụ như, khi so sánh “完” và “好”, có thể chỉ ra nét khác biệt điển hình giữa hai bổ ngữ này là về ngữ nghĩa. Trong nhiều trường hợp “完” và “好” có thể hoán đổi cho nhau, nhưng khi cần nhấn mạnh sự hoàn tất về mặt số lượng thì thường sử dụng “完”, ví dụ như:

(1) 这么多书，终于卖完了。

Khi cần nhấn mạnh động tác được hoàn thành ở mức độ tốt, thì thường sử dụng “好”, ví dụ như:

(2) 饿了几天了，赶快去吃饭，吃好了才有力气想办法。

Khi động từ miêu tả hành động đơn giản với số lượng tân ngữ là 1, thời gian hoàn thành không cần quá lâu, thường sử dụng “好”, ví dụ như:

(3) 你要的咖啡冲.....了，快喝吧。

Hay như “尽” và “光” có đặc điểm ngữ nghĩa giống nhau, đều nhấn mạnh động tác, sự việc được hoàn thành toàn bộ - “hết sạch không còn sót một chút nào cả”, song hai từ này khác nhau về mặt ngữ dụng, “尽” thường được sử dụng trong văn viết và trong một số cách biểu đạt cố định, mang màu sắc văn học, ví dụ như:

(4) 我将手中的酒喝尽。

(5) 她讲述为学舞蹈吃尽苦头的故事。

Còn “光” thường được dùng trong văn nói, ví dụ như:

(6) 我一口气喝光了杯子里的酒。

4) Dựa trên cơ sở các thành quả nghiên cứu liên quan như nghiên cứu đối chiếu so sánh ngôn ngữ giữa tiếng Hán và tiếng Việt, nghiên cứu về sách lược học tập, lỗi sai của học sinh Việt Nam trong quá trình học tiếng Hán..., tìm ra và phân tích, giảng giải cho học sinh những cách biểu đạt khác biệt giữa hai ngôn ngữ, đồng thời là điểm khó đối với học sinh, hoặc là nội dung kiến thức học sinh dễ bỏ qua. Ví dụ như, khi từ chối không ăn thêm một cách trang trọng, lịch sự, tiếng Việt

sử dụng “đủ rồi”, “ăn đủ rồi”, nhưng tiếng Hán lại sử dụng “吃好了”. Đối với những cách biểu đạt học sinh thường xuyên mắc lỗi, cố gắng đưa ra những quy tắc biểu đạt tương ứng giữa tiếng Việt và tiếng Hán, ví dụ như cấu trúc “làm việc gì đó một mạch đến hết” trong tiếng Việt có thể biểu đạt bằng cấu trúc “一口气 + V + 完”.

3. 2. Về hệ thống bài luyện tập

1) Đối với sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, lượng kiến thức cần học rất lớn, không có nhiều thời gian để luyện tập trên lớp, vì vậy việc thiết kế những bài tập giao tiếp theo loại hình nhiệm vụ để sinh viên tự luyện ngoài giờ học sẽ mang lại hiệu quả tốt. Ví dụ như sau khi đã so sánh phân tích cho sinh viên về những nét tương đồng và khác biệt giữa các bổ ngữ “完”, “好” và “成”, có thể đưa ra các chủ đề giao tiếp theo nhóm như trao đổi lên kế hoạch đi xem phim, sau đó kể lại về việc thực hiện kế hoạch đó, yêu cầu phải sử dụng ba bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc này.

2) Đối với những cách biểu đạt khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Hán, đồng thời là điểm khó đối với học sinh, hoặc là nội dung kiến thức học sinh dễ bỏ qua, cần thiết kế, bổ sung thêm các bài tập dịch Việt – Hán, hoặc dịch Hán – Việt để học sinh có thể nắm vững, từ đó có thể vận dụng một cách thuần thục khi biểu đạt bằng Tiếng Hán.

3) Sau mỗi khoảng thời gian học tập nhất định, ví dụ như vào các bài ôn tập, cần thiết kế, bổ sung thêm các bài tập nhằm giúp học sinh phân biệt được các bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc có sự giao thoa trong cách sử dụng như giữa “完”, “好” và “成”, “尽” và “光”... và các bài tập củng cố kiến thức khó đối với học sinh ví dụ như bài luyện tập về vị trí của bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc khi kết hợp với động từ li hợp, bài luyện tập nhằm giúp học sinh nắm vững những tổ hợp “động từ + bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc” có tần suất sử dụng cao, nhưng khó đối với học sinh như “尝尽苦头”, “辞掉工作”, “戒掉烟”...

4. Kết luận

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy sinh viên nắm bắt, vận dụng tương đối tốt một số bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc thường dung trong tiếng Hán hiện đại, song còn mắc nhiều lỗi sai khi vận dụng loại bổ ngữ này và không có tiến bộ rõ rệt trong việc nắm bắt những kiến thức khó. Vì vậy, khi giảng dạy loại bổ ngữ này, giáo viên cần chú ý: 1. Về nội dung giảng dạy, cần giảng giải cho học sinh đầy đủ các đặc điểm của các từ ở vị trí bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trên cả ba phương diện ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng, cần mở rộng giới thiệu thêm một số bổ ngữ có tần suất sử dụng cao, đồng thời giảng giải cho học sinh về những điểm giống và khác giữa một số bổ ngữ có sự giao thoa trong sử dụng và những cách biểu đạt không tương đương giữa tiếng Hán và tiếng Việt; 2. Về hệ thống bài luyện tập, có thể thiết kế những bài tập giao tiếp theo loại hình nhiệm vụ để sinh viên tự luyện ngoài giờ học, bổ sung thêm các bài tập dịch Việt – Hán, hoặc Hán – Việt nhằm giúp sinh viên nắm vững và sử dụng thành thạo những cách biểu đạt không tương đương với tiếng Việt, vào những bài ôn tập sau mỗi khoảng thời gian nhất định, cần bổ sung các bài tập nhằm giúp học sinh phân biệt được các bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc có sự giao thoa trong cách sử dụng và các bài tập nhằm củng cố kiến thức khó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Sung. Điều kiện hoán đổi của “V 完了” với “V好了” những yếu tố lí luận liên quan. Tạp chí Ngữ văn Trung Quốc, số 2, 2008.
- [2] Trần Mai. Thuộc tính ngữ nghĩa cú pháp của “V+好” và quá trình ngữ pháp hóa của “好”. Luận văn thạc sĩ Trung Quốc, 2008.
- [3] Trần Thiện. Phân tích so sánh hai cấu trúc biểu đạt thể hoàn thành của động từ trong tiếng Hán “động từ+完”和“động từ+光”. Học báo trường Đại Học Tiêu Tác Trung Quốc, số 2, 2013.
- [4] Mã Song. Nghiên cứu so sánh bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc “好”, “完”, “成”. Luận văn thạc sĩ Trung Quốc, 2011.